

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 82/2026/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Lệ G, sinh năm: 1992

Quê quán: thôn M, xã C, tỉnh Hưng Yên

Nơi thường trú: Thôn Kim Quan, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1987

Quê quán, nơi thường trú: Thôn K, xã K, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/03/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Lệ G và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lệ G và anh Nguyễn Văn D cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Minh T1 cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu T1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung, cả hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị G và anh D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị G và anh D khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị G tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001033 ngày 06/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị G được hoàn trả 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- UBND xã Khoái Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ TRUNG KIÊN